TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TN
TỈNH TN

Bản số: 67/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 24/ 7/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN - TỈNH TN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Phượng
Ông Trần Tuấn Hưởng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố TN xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2019/TLST- HNGĐ ngày 02/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/ 2019/QĐXX -ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1979 – Có mặt;
Bị đơn Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1979 – Vắng mặt;
Đều trú tại: Tổ X, phường HT, thành phố TN, tỉnh TN

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân C đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND phường HT, thành phố TN, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng đã có 02 con chung là Nguyễn Kỳ Ph, sinh ngày 24/06/2000 và Nguyễn Thu Th sinh ngày 22/10/2002; Tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Chị H xác định không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân xin ly hôn chị H khai: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó quan hệ vợ chồng rạn nứt nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng chị đã sống ly

thân từ năm 2016. Nay chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm đề nghị Tòa án cho xin được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Khi ly hôn về con chung: Chị H có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thu Th, sinh ngày 22/10/2002 và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nguyễn Kỳ Ph, sinh ngày 24/06/2000 hiện nay đã trưởng thành nên cháu có nguyện vọng ở với ai là tùy cháu, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa đã tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng không có mặt, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Kết thúc phần hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như: Thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, lập hồ sơ chấp hành thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn chấp hành đúng quy định; bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Diều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng luật phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1.Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt anh C nhưng đã được niêm yết hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

2. Về nội dung: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Nguyễn Xuân C kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HT, thành phố TN, tỉnh TN, trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật công nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn chị H khai: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó quan hệ vợ chồng rạn nứt nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không thể hòa giải được mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều nhưng anh C không thay đổi. Trên thực tế hiện nay hai vợ chồng không còn chung sống mà đã sống ly thân nhau từ năm 2016. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là chính đáng, vì anh C không quan tâm chăm sóc con, hiện nay các con đều đang chung sống cùng chị H. Nguyễn Thu Th có đơn gửi đến Tòa án thể hiện nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Hội đồng xét xử thấy nên chấp nhận yêu cầu của chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Tuy nhiên do anh C không có mặt tại Tòa án, nếu sau này hai bên có phát sinh tranh chấp về mối quan hệ này sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Thu H, cho chị H được ly hôn anh C.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Thu Th, sinh ngày 22/10/2002 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung.

***Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị H không yêu cầu. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Xuân C cho đến khi có yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007078 ngày 11/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Án xử C khai sơ thẩm chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
-VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- Đương sự;
- UBND phường ;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Huyền